

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ														Lĩnh vực (chi tiết từng lĩnh vực chi)				
		Biên chế năm 2022 được cấp hoặc phê duyet	Biên chế thực có tại thời điểm 01/7/2022	Biên chế năm 2023 được cấp hoặc phê duyet	Biên chế thực có tại thời điểm 01/7/2023	Trong đó:		Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 7/2023 theo quy định tại Nghị định số 18/2019/NĐ-CP						Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 7/2023 theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP						
						Số biên chế nghỉ hưu, tính gian trung kỳ hảo cáo	Số biên chế bỏ sưng, tuyên môn trong kỳ hảo cáo	Tổng số	Bao gồm:			Tổng số	Bao gồm:				Nhu cầu kinh phí tiền lương tăng thêm 1 tháng	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện Nghị định 24/2023/NĐ-CP năm 2023		
									Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Các loại phụ cấp (chi tiết từng loại phụ cấp)			Các khoản đóng góp (chi tiết: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn)		Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ				Các loại phụ cấp (chi tiết từng loại phụ cấp)	
						Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số								
A	B	1	2	3	4	4a	4b	5=6+7+8	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14	15=10-5	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b> <i>(Chi tiết theo từng đơn vị thuộc trực thuộc)</i>																			
	<b>Lĩnh vực chi</b>																			
	1 Đơn vị																			
	2 Đơn vị																			
	3																			

... ngày ... tháng ... năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023 TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 38/2019/NĐ-CP														
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (4)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>																	
<b>I</b>	<b>KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)</b>																	
	<i>Trong đó:</i>																	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																	
	- Giáo dục																	
	- Đào tạo																	
2	Sự nghiệp y tế																	
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																	
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																	
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																	
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																	
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																	
8	Hoạt động kinh tế																	
9	Sự nghiệp môi trường																	
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																	
	- Quản lý NN																	
	- Đảng, đoàn thể																	
<b>II</b>	<b>CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>																	
<b>III</b>	<b>HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>																	
	- Cấp tỉnh																	
	- Cấp huyện																	
	- Cấp xã																	
<b>IV</b>	<b>PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																	
	- Ủy viên cấp tỉnh																	
	- Ủy viên cấp huyện																	
	- Ủy viên cấp xã																	

**Ghi chú:**

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%

(3) Chỉ tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự chi thường xuyên

(4) Không tổng hợp phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15-02-2023 của Chính phủ

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP														CHẾNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023
		TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCB (2)		
					PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP (Ư DẠI) NGÀNH (4)	PHỤ CẤP THU HỤT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐĂNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	19 = 20 + 21 + 32	20	21 + 22 + ... + 32	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 - 19 - 5	34 = 33*6
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>																
I	<b>KHU VỰC HCSN, BẢNG, ĐOÀN THỂ (3)</b> <i>Trong đó:</i>																
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																
	- Giáo dục																
	- Đào tạo																
2	Sự nghiệp y tế																
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																
8	Hoạt động kinh tế																
9	Sự nghiệp môi trường																
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																
	- Quản lý NN																
	- Đảng, đoàn thể																
II	<b>CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>																
III	<b>HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>																
	- Cấp tỉnh																
	- Cấp huyện																
	- Cấp xã																
IV	<b>PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																
	+ Ủy viên cấp tỉnh																
	+ Ủy viên cấp huyện																
	+ Ủy viên cấp xã																

ngày tháng năm  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:....

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2023 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2019/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2021/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2023/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 1	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 7	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM THÁNG 7	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2023
A	B	1	2	3	4	5=3-2	6=4-2	7=1 x 0,31 x 4,5%	8=(5+6+7) x 6T
	<b>TỔNG SỐ</b>								
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.								
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên, Thư ký UBND, Thư ký HDND, xã đội								
3	Các chức danh còn lại								

... ngày.....tháng.....năm...

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THÊM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH  
CẤP XÃ, THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÔN	MỨC KHOẢN QUÝ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 34/2019/NB-CP	MỨC KHOẢN QUÝ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 33/2023/NB-CP	CHÉNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUÝ PHỤ CẤP THÁNG 7 NĂM 2023	CHÉNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUÝ PHỤ CẤP 5 T CUỐI NĂM 2023	CHÉNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUÝ PHỤ CẤP NĂM 2023
A	B	1	2	3	4= 1x2x(1,8-1,49)	5= 1x3x(1,8-1,49) x 5T	6 4+5
	<b>TỔNG SỐ</b>						
<b>I</b>	<b>Xã, phường, thị trấn</b>						
1	Loại I		16	21			
2	Loại II		13,7	18			
3	Loại III		11,4	15			
<b>II</b>	<b>Thôn, tổ dân phố<sup>(2)</sup></b>						
1	Số xã biên giới, hải đảo  - Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo  - Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo		5,0	6,0			
2	Số xã có thôn, tổ dân phố có 350 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền  - Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền  - Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên  Tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền  Tổ dân phố chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã		5,0	6,0			
			3,0	6,0			
			3,0	6,0			
3	Số xã, phường, thị trấn còn lại  - Thôn còn lại  - Tổ dân phố		3,0	4,5			
			3,0	4,5			

... ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ  
(Ký tên, đóng dấu)

**TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG/GIẢM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP - CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Chi tiêu	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP		Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đã tính định mức năm 2022	Trong đó hệ số tính định mức 2022			Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP		Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tăng/giảm so với định mức	Quy lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng/giảm 1 tháng (lương 1,49)	Quy lương, phụ cấp tăng/giảm năm 2023 (lương 1,49)
			Định biên theo Nghị định 34/2019/NĐ- CP	Tổng số		Hệ số lương ngạch bậc bình quân	Hệ số phụ cấp bình quân	Tỷ lệ phụ cấp tính các khoản đóng góp	Định biên theo Nghị định 33/2023/NĐ- CP	Tổng số			
A	B	I	2	3=1x2	4	5	6	7	8	9=1x8	10=3-9	11	12=11 x 5T
	<b>Tổng số</b>												
1	Loại 1		23										
2	Loại 2		21										
3	Loại 3		19										

... ngày... tháng... năm...

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:..

TỔNG HỢP KINH PHÍ TẶNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP - NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH  
Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TÒ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (số liệu xác định định mức 2022)	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THANG		KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THANG THEO NGHỊ ĐỊNH 34 (LƯƠNG 1,49)	KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THANG THEO NGHỊ ĐỊNH 33 (LƯƠNG 1,49)	QUỸ PHỤ CẤP TẶNG NĂM 2023
			Theo Nghị định 34/2019/NĐ- CP	Theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP			
A	B	1	2	3	4 1x2x1,49	5-1x3x1,49	6- (5-4) x 5T
	<b>TỔNG SỐ</b>						
<b>I</b>	<b>Xã, phường, thị trấn</b>						
1	Loại I		16	21			
2	Loại II		13,7	18			
3	Loại III		11,4	15			
<b>II</b>	<b>Thôn, tổ dân phố</b>						
1	Số xã biên giới, hải đảo						
	- Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo		5,0	6,0			
	- Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo			6,0			
2	Số xã có thôn, tổ dân phố có 350 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về						
	Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		5,0	6,0			
	Số tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên		3,0	6,0			
	Tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		3,0	6,0			
	Tổ dân phố chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã		3,0	6,0			
3	Số xã, phường, thị trấn còn lại						
	- Thôn còn lại		3,0	4,5			
	- Tổ dân phố		3,0	4,5			

ngày... tháng... năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ  
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:...

**TỔNG HỢP PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 05/2023/NĐ-CP NGÀY 15/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chi tiêu	Tổng số đối tượng	Tổng hệ số	Bao gồm:				Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định 56/2011/NĐ- CP của Chính phủ	Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định 05/2013/NĐ- CP của Chính phủ	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (lương 1,49 trđ)	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023
				Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó							
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung						
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	10	11=10-9	12=4x11x1,49	13=12x12T	14=12x6T+ 12x1,8/1,49x6T
	<b>Tổng số</b>												
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>								100%				
	.....								100%				
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>								100%				
1	Huyện A								100%				
	.....								100%				
2	Huyện B								100%				

Ghi chú: Chi tiết từng đối tượng hưởng.

..., ngày.....tháng.....năm...

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**

(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC, TRỰC THUỘC CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ										Lĩnh vực ... (chi tiết từng lĩnh vực chi)
		Nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ- CP năm 2023	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2023 (nếu có)	Số thu được để lại theo chế độ					Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 tăng thêm so với dự toán năm 2022 được cấp có thẩm quyền giao	Số đề nghị bỏ sung để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2023 (nếu có)	Nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm sau (nếu có)	<i>Chi tiết theo các chi tiêu như từ cột 1 đến cột 10</i>
				Số thu phi, dịch vụ thực hiện năm 2022	Số thu phi, dịch vụ kế hoạch năm 2023	Số thu được để lại theo chế độ năm 2023 để thực hiện điều chỉnh tiền lương	Số đã sử dụng để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở đến 1,49 triệu đồng/tháng	Số thu được để lại theo chế độ để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2023				
A	B	1	2	3	4	5	6	7-5-6	8	9=1-2-7-8	10=2+7-8-1	11
	<b>TỔNG SỐ</b> <i>(Chi tiết theo từng đơn vị thuộc, trực</i>											
1	Đơn vị ...											
2	Đơn vị ...											
3	....											

ngày . tháng . năm .  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:...

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
<b>A</b>	<b>NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023</b>	
1	70% tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) thực hiện 2022 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022	
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023	
3	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2023 (các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên) + Học phí + Viện phí + Nguồn thu khác	
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang 2023	
<b>B</b>	<b>TỔNG NHU CẦU NĂM 2023</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP</b>	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo NĐ 42/2023/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tỉnh theo Quy định 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017	
<b>II</b>	<b>Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:</b>	
1	Phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	
3	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2023 theo NĐ số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ	
4	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù	
5	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đến nhận công tác tại vùng ĐBKK, trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	
6	Kinh phí tăng/giảm do thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2023</b>	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ.	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

..., ngày... tháng... năm...

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:...

## TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2023	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU DẸ LẠI ĐƠN VỊ				
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP		
					HỌC PHÍ	VIỆN PHÍ	KHÁC
	<b>TỔNG SỐ</b>						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
	Trong đó:						
	- Giáo dục						
	- Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
	Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã						
	<b>Trong đó:</b>						
	<b>I Cấp tỉnh</b>						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
	Trong đó:						
	- Giáo dục						
	- Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
	<b>II Cấp huyện</b>						
	<b>1 Huyện A</b>						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
	Trong đó:						
	- Giáo dục						
	- Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
	Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã						
	<b>2 Huyện B</b>						
	...						

Ghi chú: Chỉ bao gồm nhu cầu, nguồn của các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

..., ngày.....tháng.....năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)